



Flashcardo.com

Kami harap kartu flash cetak ini akan bermanfaat bagi Anda. Untuk menemukan lebih banyak produk kartu flash, kunjungi situs web kami www.flashcardo.com/id. Di Flashcardo.com kami menyediakan kartu flash online, kartu flash pengulangan berspasi, kartu flash video, dan banyak lagi. Semuanya gratis dan siap digunakan oleh para pelajar di seluruh dunia.

Hak Cipta, Catatan Lisensi

PDF ini dilindungi oleh undang-undang hak cipta dan semua hak dilindungi. Anda bebas membagikan PDF ini kepada siapa saja. Namun, Anda tidak diperbolehkan menjual PDF ini atau isinya. Jika Anda memiliki pertanyaan, silakan kunjungi www.flashcardo.com/id untuk menghubungi kami. Terima kasih!

Penafian Tanggung Jawab

PDF INI DISEDIAKAN "SEBAGAIMANA ADANYA", TANPA JAMINAN DALAM BENTUK APA PUN, BAIK TERSURAT MAUPUN TERSIRAT, TERMASUK NAMUN TIDAK TERBATAS PADA JAMINAN KELAYAKAN UNTUK DIPERDAGANGKAN, KESESUAIAN UNTUK TUJUAN TERTENTU, DAN BEBAS PELANGGARAN. DALAM KEADAAN APA PUN PENULIS ATAU PEMEGANG HAK CIPTA TIDAK BERTANGGUNG JAWAB ATAS KLAIM, KERUSAKAN, ATAU KEWAJIBAN LAIN, BAIK DALAM TINDAKAN KONTRAK, PERBUATAN MELAWAN HUKUM, ATAU HAL LAINNYA, YANG TIMBUL DARI, KELUAR DARI, ATAU BERKAITAN DENGAN PDF INI ATAU PENGGUNAAN ATAU INTERAKSI LAIN DENGAN PDF INI.

Hak Cipta © 2025 Flashcardo.com. Semua Hak Dilindungi

saya

kamu

dia
laki-laki

tôi

bạn

anh ấy

dia
perempuan

dia
benda

kami

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

kalian

mereka

apa

các bạn

họ

cái gì

siapa

dimana

mengapa

ai

ở đâu

tại sao

bagaimana

làm sao

yang mana

cái nào

kapan

lúc nào

lalu

sau đó

jika

nếu

sungguh

thật sự

tapi

nhưng

karena

bởi vì

tidak

không

ini

này

Saya butuh ini

Tôi cần cái này

Berapa harganya?

Cái này giá bao nhiêu?

itu

đó

semua

tất cả

atau

hoặc

dan

và

tahu
kata kerja

biết

Saya tahu

Tôi biết

Saya tidak tahu

Tôi không biết

berpikir

nghĩ

datang

đến

meletakkan

đặt

mengambil

lấy

menemukan

tìm

mendengarkan

nghe

bekerja

làm việc

berbicara

nói chuyện

memberi

cho

menyukai

thích

membantu

giúp đỡ

mencintai

yêu

menelpon

gọi

menunggu

chờ đợi

Saya menyukaimu

Tôi thích bạn

Saya tidak menyukainya

Tôi không thích cái này

Apakah kamu mencintaiku?

Bạn có yêu tôi không?

Aku mencintaimu

Tôi yêu bạn

0

không

1

một

2

hai

3

ba

4

bốn

5

năm

6

sáu

7

bảy

8

tám

9

chín

10

mười

11

mười một

12

mười hai

13

mười ba

14

mười bốn

15

mười năm

16

mười sáu

17

mười bảy

18

mười tám

19

mười chín

20

hai mươi

baru

mới

lama

cũ

sedikit

banyak

berapa banyak?
jenderal

ít

nhiều

bao nhiêu?

berapa banyak?
nomor

salah

benar

bao nhiêu?

sai

chính xác

buruk

baik

senang

xấu

tốt

hạnh phúc

pendek
jenderal

panjang

kecil

ngắ

dài

nhỏ

besar

disana

disini

lón

đó

đây

kanan

kiri

indah

phải

trái

xinh đẹp

muda

tua

halo

trẻ

già

xin chào

sampai jumpa

oke

jaga diri

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

jangan khawatir

tentu saja

selamat siang

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

hai

selamat jalan

selamat tinggal

chào

bái bai

tạm biệt

permisi

maaf

terima kasih

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

silahkan

Saya mau ini

sekarang

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

sore

buổi chiều

pagi
9:00-11:00

buổi sáng

malam

ban đêm

pagi
6:00-9:00

buổi sáng

petang

buổi tối

tengah hari

buổi trưa

tengah malam

nửa đêm

jam
waktu

giờ

menit

phút

detik

giây

hari

ngày

minggu

tuần

bulan
waktu

tháng

tahun

năm

waktu

thời gian

tanggal

ngày tháng

kemarin lusa

ngày hôm kia

kemarin

hôm qua

hari ini

hôm nay

besok

ngày mai

besok lusa

ngày kia

Senin

thứ hai

Selasa

thứ ba

Rabu

thứ tư

Kamis

thứ năm

Jumat

thứ sáu

Sabtu

thứ bảy

Minggu

chủ nhật

Besok hari Sabtu

Ngày mai là thứ bảy

kehidupan

cuộc đời

wanita

đàn bà

pria

đàn ông

cinta

tình yêu

pacar laki-laki

bạn trai

pacar perempuan

bạn gái

teman

bạn

ciuman

seks

anak

hôn

tình dục

trẻ em

bayi

anak perempuan

anak laki-laki

em bé

con gái

con trai

mama

papa

ibu

mẹ

ba

má

ayah

orangtua

putra

cha

cha mẹ

con trai

putri

adik perempuan

adik laki-laki

con gái

em gái

em trai

kakak perempuan

kakak laki-laki

berdiri

chị gái

anh trai

đứng

duduk

berbaring

tutup

ngồi

nằm xuống

đóng

buka

kalah

menang

mở

thua

thắng

mati

hidup

menyalakan

chết

sống

bật

mematikan

membunuh

melukai

tắt

giết

làm bị thương

menyentuh

menonton

minum

chạm

xem

uống

makan

berjalan

bertemu

ăn

đi bộ

gặp

bertaruh

đặt cược

mencium
mulut

hôn

mengikuti

đi theo

menikahi

cưới

menjawab

trả lời

menanyakan

hỏi

pertanyaan

câu hỏi

perusahaan

công ty

bisnis

kinh doanh

pekerjaan

việc làm

uang

tiền

telepon

điện thoại

kantor

văn phòng

dokter

bác sĩ

rumah sakit

bệnh viện

perawat

y tá

polisi
orang

cảnh sát

presiden

tổng thống

putih

màu trắng

hitam

màu đen

merah

màu đỏ

biru

màu xanh da trời

hijau

màu xanh lá cây

kuning

màu vàng

lambat

chậm

cepat

nhANH

lucu

vui vẻ

tidak adil

không công bằng

adil

công bằng

sulit

khó

mudah

đễ

Ini sulit

Cái này khó

kaya

giàu

miskin

nghèo

kuat

khỏe

lemah

yếu

aman

an toàn

lelah

mệt mỏi

bangga

tự hào

kenyang

no bụng

sakit

bệnh

sehat

khỏe mạnh

marah

tức giận

rendah

thấp

tinggi
jenderal

cao

lurus
geometri

thẳng

setiap

mỗi / mọi

selalu

luôn luôn

sebenarnya

thực ra

lagi

lần nữa

sudah

đã

kurang

ít hơn

paling

phần lớn

lebih

nhiều hơn

Saya mau lagi

Tôi muốn nhiều hơn

tidak ada

không có

sangat

rất

hewan

động vật

babi

con lợn

sapi

con bò

kuda

con ngựa

anjing

con chó

domba

con cừu

monyet

con khỉ

kucing

con mèo

beruang

con gấu

ayam

con gà

bebek

con vịt

kupu-kupu

con bướm

lebah

con ong

ikan
hewan

con cá

laba-laba

con nhện

ular

con rắn

di luar

ở ngoài

di dalam

ở trong

jauh

xa

dekat

gần

di bawah

bên dưới

di atas

bên trên

di sebelah

bên cạnh

depan

phía trước

belakang

phía sau

manis

ngọt

asam

chua

aneh

lembut

keras

lạ

mềm

cứng

imut

bodoh

gila

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

sibuk

tinggi
orang

pendek
orang

bận rộn

cao

thấp

cemas

terkejut

keren

lo lắng

ngạc nhiên

ngầu

berperilaku baik

cư xử tốt

jahat

ác độc

pintar

khéo léo

dingin

lạnh

panas

nóng

kepala

đầu

hidung

mũi

rambut

tóc

mulut

miệng

telinga

tai

mata

mắt

tangan

bàn tay

kaki
sepatu

bàn chân

jantung

tim

otak

não

menarik

kéo

mendorong

đẩy

menekan

ấn

memukul

đánh

menangkap

bắt

berkelahi

chiến đấu

melempar

ném

berlari

chạy

membaca

đọc

menulis

viết

memperbaiki

sửa chữa

menghitung

1, 2, 3

đếm

memotong

cắt

menjual

bán

membeli

mua

membayar

trả

belajar

học

bermimpi

mơ

tidur

ngủ

bermain

chơi

merayakan

ăn mừng

beristirahat

nghỉ ngơi

menikmati

thưởng thức

membersihkan

dọn dẹp

sekolah

trường học

rumah
bangunan

nhà ở

pintu

cửa

suami

chồng

istri

vợ

pernikahan

đám cưới

orang

người

mobil

xe hơi

rumah
keluarga

nhà

kota

thành phố

angka

số

21

hai mươi một

22

hai mươi hai

26

hai mươi sáu

30

ba mươi

31

ba mươi một

33

ba mươi ba

37

ba mươi bảy

40

bốn mươi

41

bốn mươi một

44

bốn mươi bốn

48

bốn mươi tám

50

năm mươi

51

năm mươi mốt

55

năm mươi lăm

59

năm mươi chín

60

sáu mươi

61

sáu mươi mốt

62

sáu mươi hai

66

sáu mươi sáu

70

bảy mươi

71

bảy mươi mốt

73

bảy mươi ba

77

bảy mươi bảy

80

tám mươi

81

tám mươi mốt

84

tám mươi bốn

88

tám mươi tám

90

chín mươi

91

chín mươi mốt

95

chín mươi lăm

99

chín mươi chín

100

một trăm

1000

một nghìn

10.000

mười nghìn

100.000

một trăm nghìn

1.000.000

một triệu

anjingku

con chó của tôi

kucingmu

con mèo của bạn

gaunnya

váy của cô ấy

mobilnya

xe của anh ấy

bolanya

quả bóng của nó

rumah kami

nhà của chúng tôi

tim kalian

đội của bạn

perusahaan mereka

công ty của họ

semua orang

mọi người

bersama-sama

cùng nhau

lain

khác

tidak masalah

không thành vấn đề

mari bersulang

chúc mừng

santai

thư giãn đi

saya setuju

tôi đồng ý

selamat datang

chào mừng

jangan pikirkan

không phải lo

belok kanan

rẽ phải

belok kiri

rẽ trái

jalan lurus

đi thẳng

Ikuti saya

Hãy đi với tôi

telur

trứng

keju

phô mai

susu

sữa

ikan
makanan

cá

daging

thịt

sayur

rau

buah

trái cây

tulang
makanan

xương

minyak

dầu

roti

bánh mì

gula

đường

coklat
makanan

sô cô la

permen

kẹo

kue

bánh bông lan

minuman

đồ uống

air

nước

soda

nước soda

kopi

cà phê

teh

trà

bir

bia

anggur
minuman

rượu nho

salad

sa lát

sup

súp

makanan penutup

món tráng miệng

sarapan

bữa ăn sáng

makan siang

makan malam

pizza

bữa trưa

bữa tối

pizza

bis

kereta

stasiun kereta

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

halte bis

pesawat

kapal

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

truk

sepeda

sepeda motor

xe tải

xe đạp

xe mô tô

taksi

lampu lalu lintas

parkir mobil

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

jalan

pakaian

sepatu

đường

quần áo

giày dép

mantel

sweater

kemeja

áo choàng

áo len

áo sơ mi

jaket

jas

celana

áo khoác

áo phục

quần dài

gaun

đầm

kaos

áo phông

kaus kaki

bít tất

BH

áo ngực

celana dalam
jenderal

quần lót

kacamata

kính

tas tangan

túi xách

tas
kecil

ví tiền

dompet

ví

cincin

nhẫn

topi

mũ

jam tangan

đồng hồ đeo tay

saku

Siapa namamu?

Nama saya David

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Saya berusia 22 tahun

Apa kabar?

Apa kamu baik-baik saja?

Tôi 22 tuổi

Bạn có khỏe không?

Bạn có ổn không?

Dimana toiletnya?

Saya merindukanmu

musim semi

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

musim panas

musim gugur

musim dingin

mùa hè

mùa thu

mùa đông

Januari

tháng một

Februari

tháng hai

Maret

tháng ba

April

tháng tư

Mei

tháng năm

Juni

tháng sáu

Juli

tháng bảy

Agustus

tháng tám

September

tháng chín

Oktober

tháng mười

November

tháng mười một

Desember

tháng mười hai

berbelanja

mua sắm

tagihan

hóa đơn

pasar

chợ

supermarket

siêu thị

bangunan

tòa nhà

apartemen

căn hộ

universitas

trường đại học

peternakan

nông trại

gereja

nhà thờ

restoran

nhà hàng

bar

quán bar

gym

phòng thể dục

taman
jenderal

công viên

toilet
jenderal

nhà vệ sinh

peta

bản đồ

ambulans

xe cứu thương

polisi
jenderal

cảnh sát

pistol

súng

pemadam kebakaran
jenderal

lính cứu hỏa

negara

quốc gia

pinggiran kota

ngoại ô

desa

ngôi làng

kesehatan

sức khỏe

obat

dược phẩm

kecelakaan

tai nạn

pasien

bệnh nhân

operasi

phẫu thuật

pil

viên thuốc

demam

sốt

pilek

cảm lạnh

luka

vết thương

janji

cuộc hẹn

batuk

ho

leher

cổ

pantat

mông

bahu

vai

lutut

đầu gối

kaki
jenderal

chân

lengan
tubuh

tay

perut
jenderal

bụng

payudara

ngực

punggung

lưng

gigi

răng

lidah

lưỡi

bibir

môi

jari

ngón tay

jari kaki

ngón chân

perut
organ

dạ dày

paru-paru

phổi

hati

gan

saraf

dây thần kinh

ginjal

thận

usus

ruột

warna

màu sắc

jingga

màu cam

abu-abu

màu xám

coklat
warna

màu nâu

merah muda

màu hồng

membosankan

nhàm chán

berat

nặng

ringan

kesepian

lapar

nhẹ

cô đơn

đói bụng

haus

sedih

curam

khát nước

buồn

đốc

datar

bulat

persegi
kata sifat

bằng phẳng

tròn

vuông

sempit

luas

dalam

hẹp

rộng

sâu

dangkal

nông

besar sekali

lớn

utara

bắc

timur

đông

selatan

nam

barat

tây

kotor

bẩn

bersih

sạch sẽ

penuh

đầy

kosong

trống rỗng

mahal

đắt

murah

rẻ

gelap

terang

seksi

tối

sáng

quyến rũ

malas

berani

dermawan

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

tampan

jelek

konyol

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

ramah

bersalah

buta

thân thiện

tội lỗi

mù

mabuk

basah

kering

sayu

urut

khô

hangat

bising

sepi

hangat

hangat

yên tĩnh

sunyi

dapur

kamar mandi

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

ruang tamu

kamar tidur

taman
rumah

phòng khách

phòng ngủ

vườn

garasi

gara

dinding

tường

ruang bawah tanah

tầng hầm

toilet
bangunan

nhà vệ sinh

tangga
bangunan

cầu thang

atap

mái nhà

jendela
bangunan

cửa sổ

pisau

dao

cangkir

tách

gelas
kaca

ly

piring

đĩa

gelas
plastik

cốc

tempat sampah

mangkuk

set TV

thùng rác

tô

bộ tivi

meja tulis

ranjang

cermin

bàn

giường

gương

pancuran mandi

sofa

gambar

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

jam
alat

meja

kursi
jenderal

đồng hồ

bàn

ghế

kolam renang
taman

bel

tetangga

hồ bơi

chuông

hàng xóm

gagal

memilih
jenderal

menembak

thất bại

chọn

bắn

memilih
politik

jatuh

mempertahankan

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

menyerang

mencuri

membakar

tấn công

trộm

đốt

menyelamatkan

cứu

merokok

hút thuốc

terbang

bay

membawa

mang theo

meludah

khạc nhổ

menendang

đá

menggigit

cắn

bernafas

thở

mencium
hidung

ngửi

menangis

khóc

bernyanyi

hát

tersenyum

cười mỉm

tertawa

cười

tumbuh

lớn lên

menyusut

co lại

bertengkar

tranh luận

mengancam

đe dọa

berbagi

chia sẻ

memberi makan

cho ăn

bersembunyi

trốn

memperingatkan

cảnh báo

berenang

bơi

melompat

nhảy

berguling

lăn

mengangkat

nâng

menggali

đào

menyalin

sao chép

mengantarkan

giao hàng

mencari

tìm kiếm

berlatih

luyện tập

bepergian

đi du lịch

melukis

vẽ

mandi

tắm vòi sen

membuka

mở

mengunci

khóa

mencuci

rửa

berdoa

cầu nguyện

memasak

nấu ăn

buku

sách

perpustakaan

thư viện

pekerjaan rumah

bài tập về nhà

ujian

bài thi

pelajaran

bài học

ilmu

khoa học

sejarah

lịch sử

seni

nghệ thuật

bahasa Inggris

tiếng Anh

bahasa Perancis

tiếng Pháp

pena

cây bút

pensil

bút chì

3%

ba phần trăm

pertama

thứ nhất

kedua

thứ hai

ketiga

thứ ba

keempat

thứ tư

hasil

kết quả

persegi
geometri

hình vuông

lingkaran

hình tròn

luas permukaan

diện tích

penelitian

nguyên cứu

gelar

bằng cấp

sarjana

cử nhân

master

thạc sĩ

$x < y$

x nhỏ hơn y

$x > y$

x lớn hơn y

stres

áp lực

asuransi

bảo hiểm

staf

nhân viên

departemen

bộ phận

gaji

lương

alamat

địa chỉ

surat

lá thư

kapten

thuyền trưởng

detektif

thám tử

pilot

phi công

profesor

giáo sư

guru

giáo viên

pengacara

luật sư

sekretaris

thư ký

asisten

trợ lý

hakim

thẩm phán

direktur

giám đốc

manajer

quản lý

koki

đầu bếp

supir taksi

tài xế taxi

supir bis

tài xế xe buýt

kriminal

tội phạm

model

người mẫu

artis

nghệ sĩ

nomor telepon

số điện thoại

sinyal

tín hiệu

aplikasi

ứng dụng

obrolan

trò chuyện

file

tập tin

url

url

alamat surel

địa chỉ email

situs web

trang mạng

surel

thư điện tử

telepon genggam

điện thoại di động

hukum

pháp luật

penjara

nhà tù

bukti

chứng cứ

denda

tiền phạt

saksi

nhân chứng

pengadilan

tòa án

tanda tangan

chữ ký

rugi

thua lỗ

laba

lợi nhuận

pelanggan

khách hàng

jumlah

số tiền

kartu kredit

thẻ tín dụng

kata sandi

mật khẩu

mesin ATM

máy rút tiền

kolam renang
olahraga

bể bơi

listrik

điện

kamera

máy ảnh

radio

đài radio

hadiah

quà tặng

botol

cái chai

tas
besar

cái túi

kunci

chìa khóa

boneka

búp bê

malaikat

thiên thần

sisir

lược

pasta gigi

kem đánh răng

sikat gigi

bàn chải đánh răng

sampo

dầu gội

krim
obat

kem thoa

tisu

khăn giấy

lipstik

son môi

televisi

truyền hình

bioskop

rạp chiếu phim

berita

tin tức

kursi
pesawat

ghế

tiket

vé

layar
bioskop

màn chiếu

musik

âm nhạc

panggung

sân khấu

penonton

khán giả

lukisan

hội họa

lelucon

trò đùa

artikel

bài báo

koran

báo chí

majalah

tạp chí

iklan

quảng cáo

alam

thiên nhiên

abu

tro

api

lửa

berlian

kim cương

bulan
alam semesta

mặt trăng

bumi

Trái Đất

matahari

mặt trời

bintang

ngôi sao

planet

hành tinh

alam semesta

vũ trụ

peisir

bờ biển

danau

hutan

gurun

hồ

rừng

sa mạc

bukit

batu

sungai

đôi núi

đá

con sông

lembah

gunung

pulau

thung lũng

núi

đảo

samudera

laut

cuaca

đại dương

biển

thời tiết

es

băng

salju

tuyết

badai
jenderal

bão táp

hujan
kata benda

mưa

angin

gió

tanaman

thực vật

pohon

cây

rumput

cỏ

mawar

hoa hồng

bunga
tanaman

hoa

gas
kimia

chất khí

logam

kim loại

emas

vàng

perak

bạc

Perak lebih murah
dibandingkan emas

Bạc rẻ hơn vàng

Emas lebih mahal
dibandingkan perak

Vàng đắt hơn bạc

liburan

ngày lễ

anggota

thành viên

hotel

khách sạn

pantai
laut

bờ biển

tamu

khách

ulang tahun

sinh nhật

Natal

Giáng sinh

Tahun baru

Năm Mới

Paskah

Lễ Phục sinh

paman

chú

bibi

cô

nenek
ayah

bà nội

kakek
ayah

ông nội

nenek
ibu

bà ngoại

kakek
ibu

ông ngoại

kematian

tử vong

makam

phần mộ

perceraian

ly hôn

mempelai wanita

cô dâu

mempelai pria

chú rể

101

một trăm linh một

105

một trăm linh năm

110

một trăm mười

151

một trăm năm mươi một

200

hai trăm

202

hai trăm linh hai

206

hai trăm linh sáu

220

hai trăm hai mươi

262

hai trăm sáu mươi hai

300

ba trăm

303

ba trăm linh ba

307

ba trăm linh bảy

330

ba trăm ba mươi

373

ba trăm bảy mươi ba

400

bốn trăm

404

bốn trăm linh bốn

408

bốn trăm linh tám

440

bốn trăm bốn mươi

484

bốn trăm tám mươi bốn

500

năm trăm

505

năm trăm linh năm

509

năm trăm linh chín

550

năm trăm năm mươi

595

năm trăm chín mươi lăm

600

sáu trăm

601

sáu trăm linh một

606

sáu trăm linh sáu

616

sáu trăm mười sáu

660

sáu trăm sáu mươi

700

bảy trăm

702

bảy trăm linh hai

707

bảy trăm linh bảy

727

bảy trăm hai mươi bảy

770

bảy trăm bảy mươi

800

tám trăm

803

tám trăm linh ba

808

tám trăm linh tám

838

tám trăm ba mươi tám

880

tám trăm tám mươi

900

chín trăm

904

chín trăm linh bốn

909

chín trăm linh chín

949

chín trăm bốn mươi chín

990

chín trăm chín mươi

harimau

con hổ

tikus

con chuột

tikus besar

con chuột cống

kelinci

con thỏ

singa

con sư tử

keledai

con lừa

gajah

con voi

burung

con chim

ayam jago

con gà trống choai

merpati

con chim bồ câu

angsa
jenderal

con ngỗng

serangga

côn trùng

kumbang

con bọ

nyamuk

con muỗi

lalat

con ruồi

semut

con kiến

paus

con cá voi

hiu

con cá mập

lumba-lumba

con cá heo

siput

con ốc sên

katak

con ếch

sering

thường xuyên

segera

ngay lập tức

tiba-tiba

đột ngột

walaupun

mặc dù

senam

thể dục dụng cụ

tenis

quần vợt

lari

chạy

bersepeda

đạp xe

golf

đánh golf

seluncur es

trượt băng

sepak bola

bóng đá

bola basket

bóng rổ

renang

bơi lội

menyelam

lặn

mendaki

đi bộ đường dài

Inggris Raya

Vương quốc Anh

Spanyol

Tây Ban Nha

Swiss

Thụy sĩ

Italia

Ý

Perancis

Jerman

Thailand

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapura

Rusia

Jepang

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

India

Cina

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Amerika Serikat

Meksiko

Kanada

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chili

Brasil

Argentina

Chile

Brazil

Argentina

Afrika Selatan

Nigeria

Maroko

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Aljazair

Libya

Kenya

Algeria

Mesir

Selandia Baru

Australia

Ai Cập

New Zealand

Úc

Afrika

Châu Phi

Eropa

Châu Âu

Asia

Châu Á

Amerika

Châu Mỹ

seperempat jam

mười lăm phút

setengah jam

nửa tiếng

tiga perempat jam

bốn mươi lăm phút

1:00

một giờ

2:05

hai giờ năm phút

3:10

ba giờ mười phút

4:15

bốn giờ mười lăm

5:20

năm giờ hai mươi

6:25

sáu giờ hai mươi năm

7:30

bảy giờ rưỡi

8:35

tám giờ ba mươi lăm

9:40

mười giờ kém hai mươi

10:45

mười một giờ kém mười năm

11:50

mười hai giờ kém mười

12:55

một giờ kém năm

jam satu pagi

một giờ sáng

jam dua siang

hai giờ chiều

minggu lalu

tuần trước

minggu ini

tuần này

minggu depan

tuần sau

tahun lalu

tahun ini

tahun depan

năm ngoái

năm nay

năm sau

bulan lalu

bulan ini

bulan depan

tháng trước

tháng này

tháng sau

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

ngày một tháng một năm hai
nghìn mười bốn

ngày hai mươi lăm tháng hai
năm hai nghìn linh ba

ngày mười hai tháng tư năm
một nghìn chín trăm tám
mười tám

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

ngày mười ba tháng mười
năm một nghìn tám trăm
chín mươi chín

ngày ba mươi tháng chín
năm một nghìn chín trăm
linh bảy

ngày mười hai tháng mười
hai năm hai nghìn

dahi

keriput

dagu

trán

nếp nhăn

cằm

pipi

jenggot

bulu mata

má

râu

lông mi

alis

pinggang

tengkuk

lông mày

eo

gáy

dada

ibu jari

jari kelingking

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

jari manis

ngón tay đeo nhẫn

jari tengah

ngón tay giữa

jari telunjuk

ngón tay trỏ

pergelangan tangan

cổ tay

kuku tangan

móng tay

tumit

gót chân

tulang belakang

xương sống

otot

cơ bắp

tulang
tubuh

xương

kerangka

bộ xương

tulang rusuk

xương sườn

vertebra

đốt sống

kandung kemih

vena

arteri

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

vagina

sperma

penis

âm đạo

tinh trùng

dương vật

testis

berair

pedas

tinh hoàn

mọng nước

cay

asin

mentah

rebus

mặn

sống

lược

pemalu

rakus

ketat

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

tuli

điếc